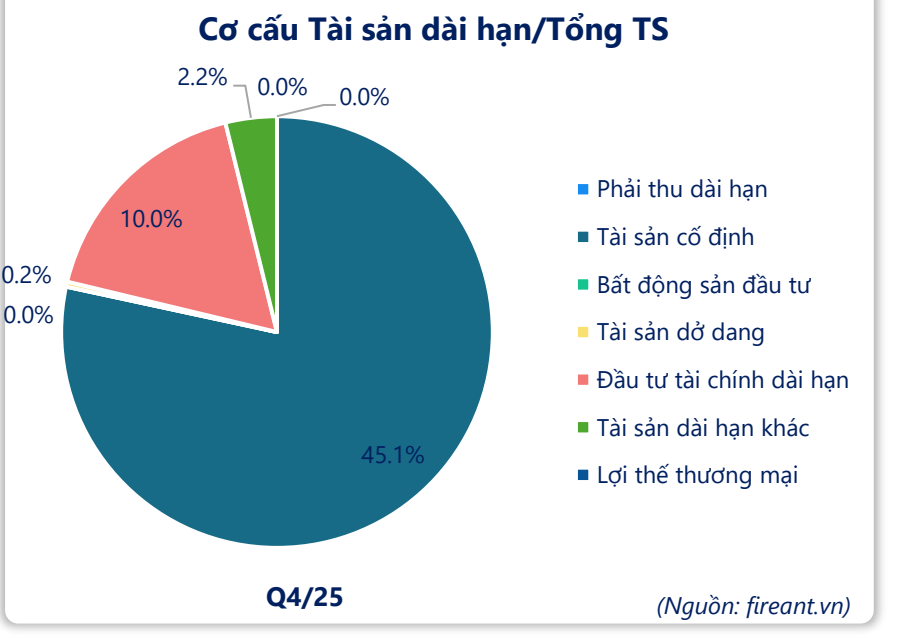
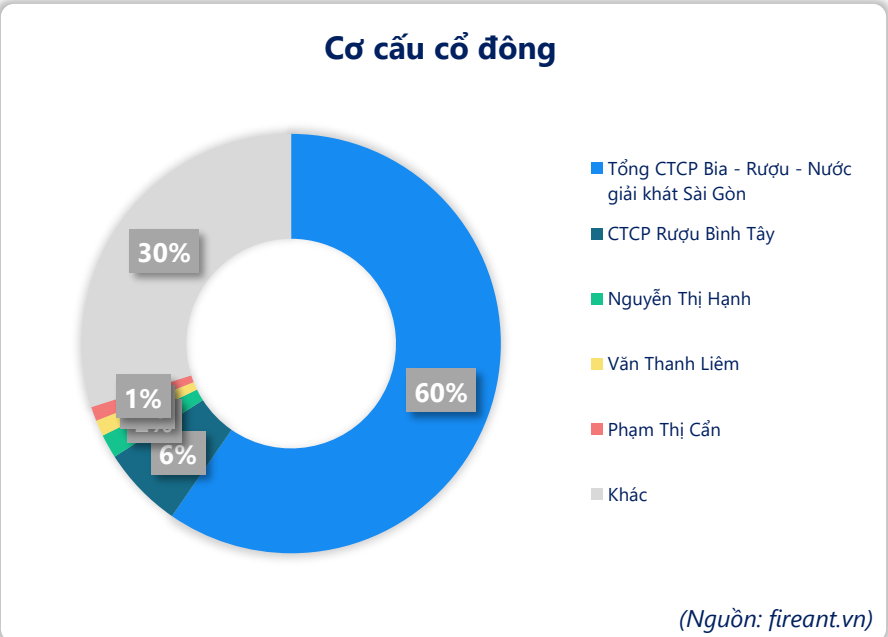
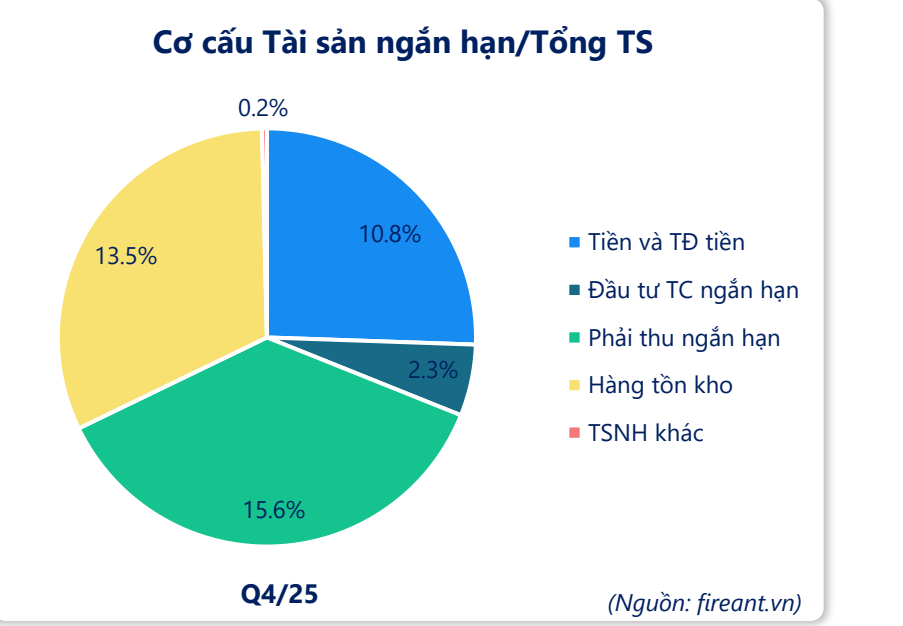
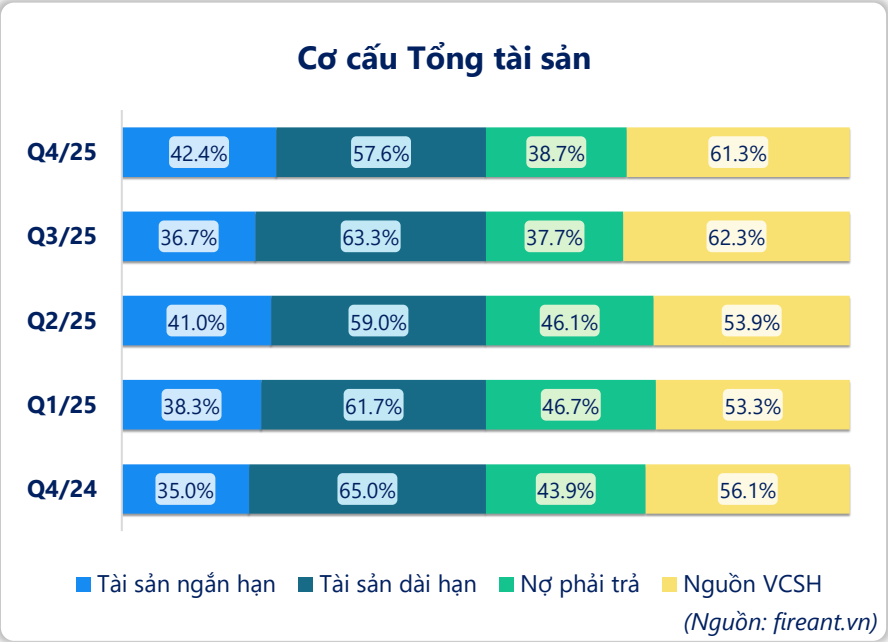
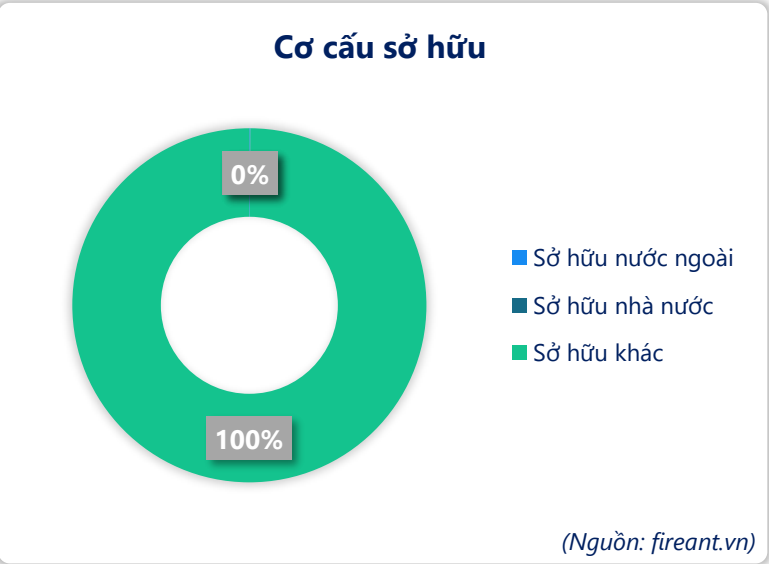
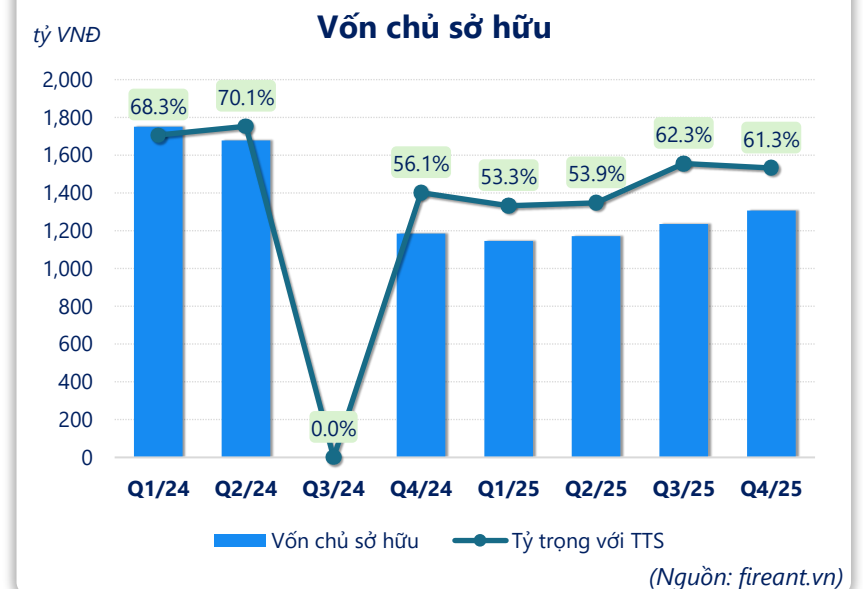
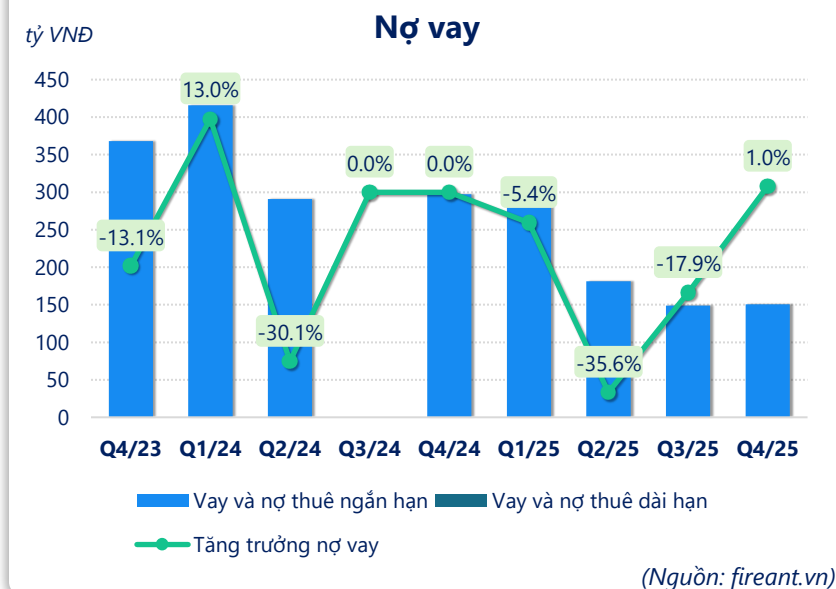
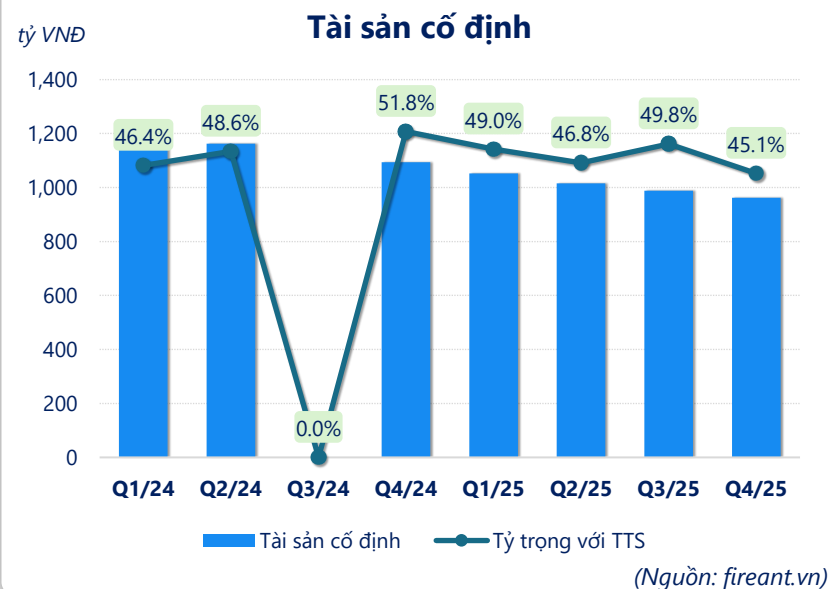
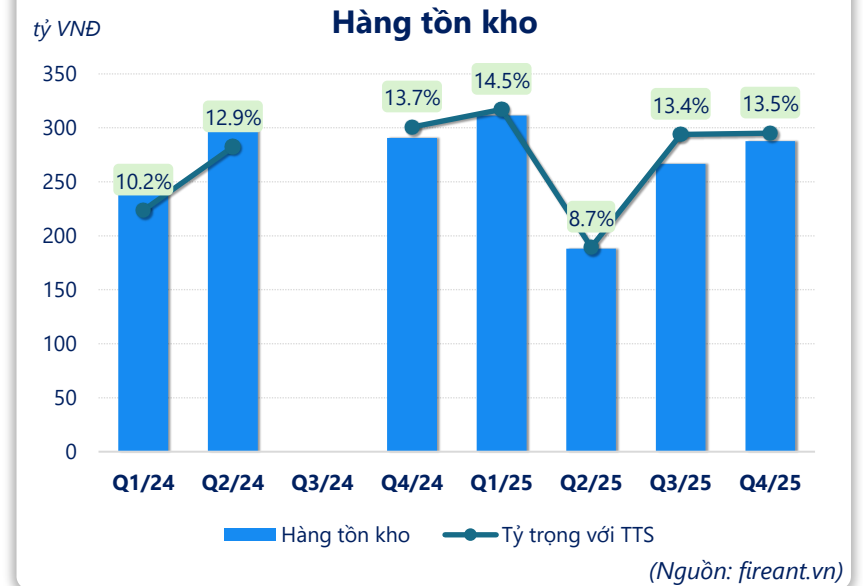
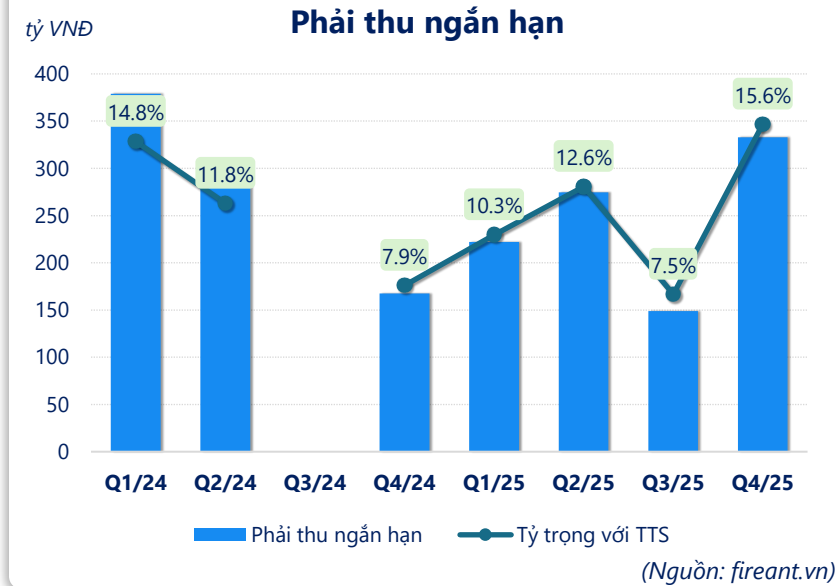
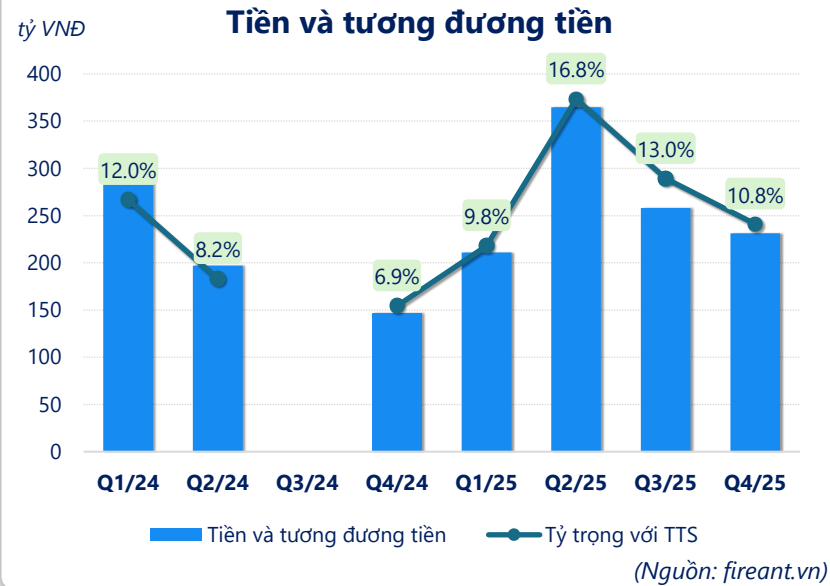
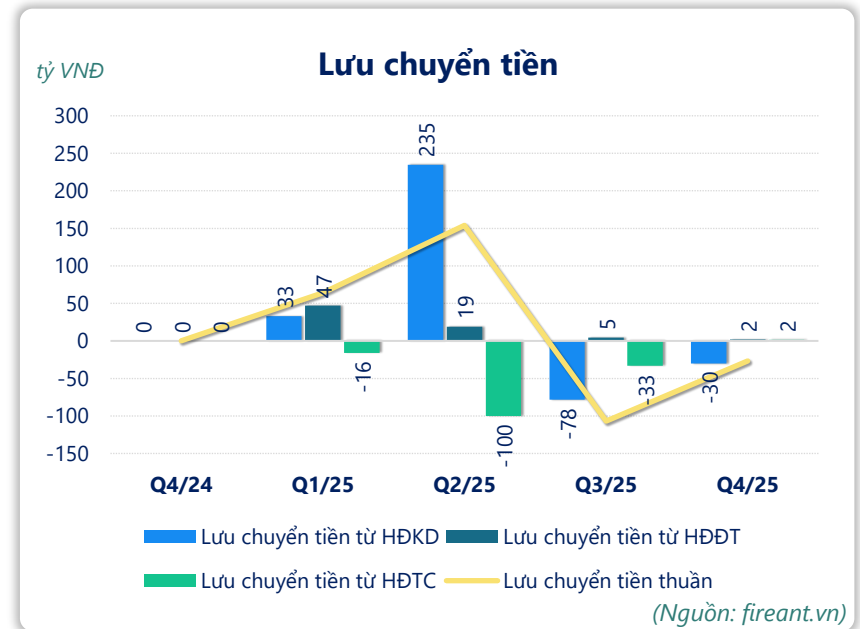
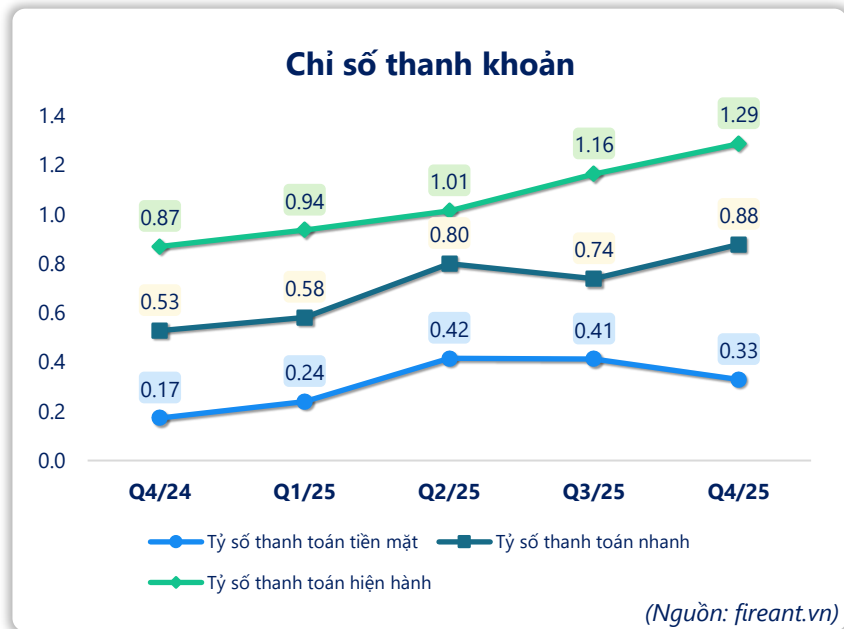
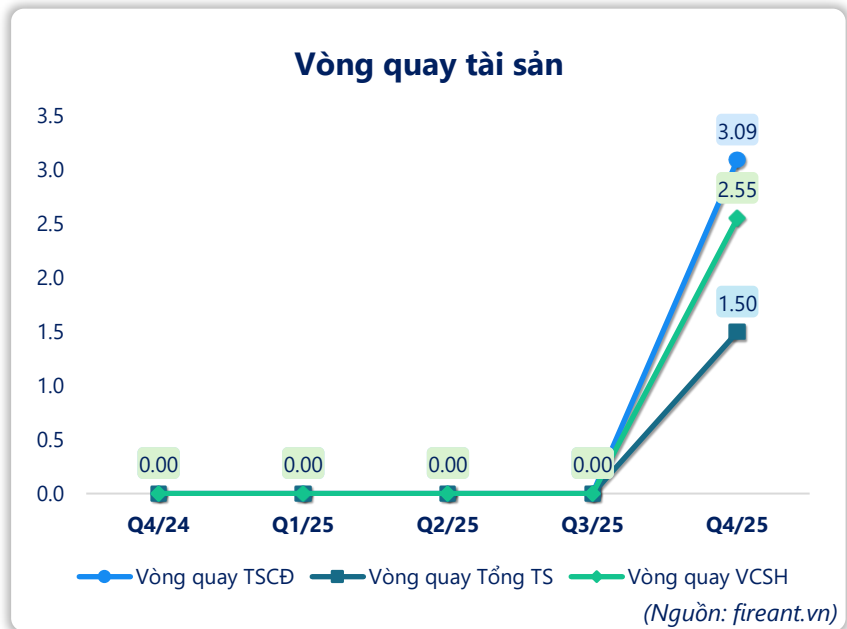
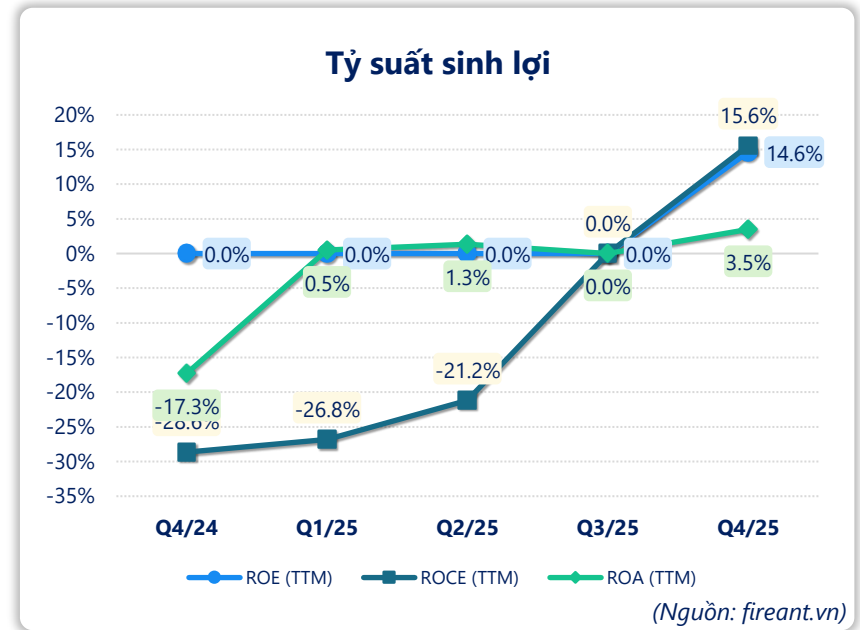
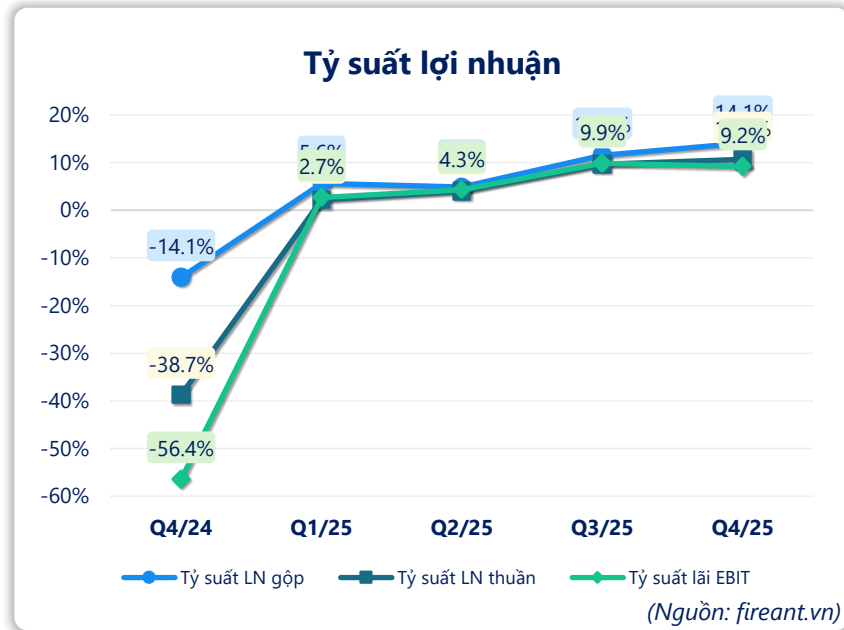
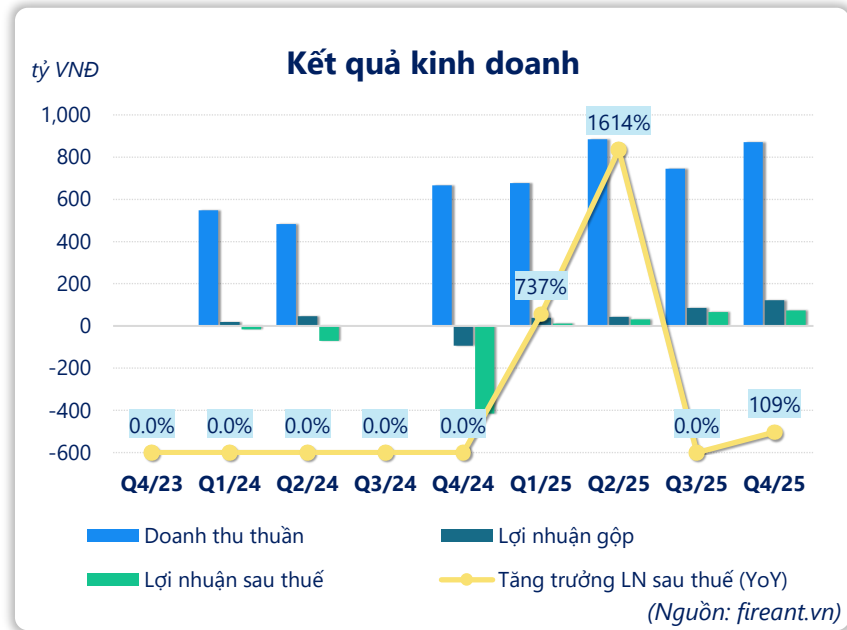


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,100
SL cổ phiếu LH		87,524,536
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,160
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,444
P/E		7.9
EPS		2,082

	YTD	1T	3T	6T
SBB	21.3%	-3.5%	1.9%	10.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,133	2,107	1.2%
Tài sản ngắn hạn	905	739	22.5%
Tiền và tương đương tiền	231	147	57.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	132	-62.2%
Phải thu ngắn hạn	333	168	98.7%
Hàng tồn kho	288	291	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.42	1.81	88.9%
Tài sản dài hạn	1,227	1,368	-10.3%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	962	1,087	-11.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.59	0.42	981%
Đầu tư tài chính dài hạn	214	207	3.1%
Tài sản dài hạn khác	47.2	72.9	-35.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	826	974	-15.2%
Nợ ngắn hạn	704	851	-17.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	297	-49.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	147	81.9	79.4%
Nợ dài hạn	122	122	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,307	1,134	15.3%
Vốn chủ sở hữu	1,307	1,134	15.3%
Vốn điều lệ	875	875	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	666	677	884	745	870
Giá vốn hàng bán	760	639	841	659	748
Lợi nhuận gộp	-93.7	38.1	43.1	85.8	123
Doanh thu HĐTC	6.40	3.15	6.32	2.52	7.70
Chi phí TC	4.82	4.69	3.68	2.46	2.09
Chi phí lãi vay	4.81	4.69	3.68	2.46	2.07
LN trong công ty LKLD	1.78	0	6.33	0	0
Chi phí bán hàng	16.6	7.39	3.81	2.42	2.09
Chi phí QLDN	151	14.3	13.0	11.8	33.1
LN thuần từ HĐKD	-258	14.9	35.3	71.7	92.9
Lợi nhuận khác	-123	-1.46	-0.94	-0.72	-14.9
LN trước thuế	-381	13.5	34.4	70.9	78.1
Lợi nhuận sau thuế	-416	11.9	30.2	66.2	74.0
LNST của CĐ cty mẹ	-416	11.9	30.2	66.2	74.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	33.1	235	-78.2	-30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	47.0	19.0	4.55	1.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-16.1	-99.9	-33.2	1.56
Tiền đầu kỳ	0	147	211	365	258
Lưu chuyển tiền thuần	0	64.1	154	-107	-26.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	0	211	365	258	231

(Nguồn: fireant.vn)